

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/01/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/12/2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2010
Ông Lâm Văn Reo	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2009
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Văn Mạnh**  
**Trưởng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010*

Số: **73/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM****BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**  
Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan về kế toán tại Việt Nam.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**Trương Văn Nghĩa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.  
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>226.686.255.991</b>	<b>275.880.775.488</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>54.177.528.110</b>	<b>13.059.972.695</b>
1 Tiền	111		54.177.528.110	13.059.972.695
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>104.735.100.000</b>	<b>240.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		104.735.100.000	240.000.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.694.653.464</b>	<b>22.102.557.158</b>
1 Phải thu khách hàng	131		27.507.735.433	21.936.399.913
2 Trả trước cho người bán	132		5.662.252.084	-
3 Các khoản phải thu khác	134		524.665.947	166.157.245
<b>VI Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>33.719.154.548</b>	<b>668.420.435</b>
1 Hàng tồn kho	141		33.719.154.548	668.420.435
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>359.819.869</b>	<b>49.825.200</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.101.722	15.857.200
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		348.718.147	-
3 Tài sản ngắn hạn khác	158		-	33.968.000
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.702.907.193</b>	<b>2.535.613.838</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.090.889.606</b>	<b>2.535.613.838</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	1.962.211.339	2.338.604.595
<i>Nguyên giá</i>	222		2.760.057.979	2.519.002.653
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(797.846.640)	(180.398.058)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.5	128.678.267	197.009.243
<i>Nguyên giá</i>	228		204.992.914	204.992.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(76.314.647)	(7.983.671)
<b>II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	242	5.6	5.000.000.000	-
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>612.017.587</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	599.017.587	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>234.389.163.184</b>	<b>278.416.389.326</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>162.213.973.529</b>	<b>227.378.565.492</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.182.029.529</b>	<b>227.346.621.492</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		694.385.773	-
2 Phải trả người bán	312	5.8	153.554.786.837	223.192.209.183
3 Người mua trả tiền trước	313		560.207.725	1.152.848.990
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	4.743.718.197	2.262.226.753
5 Phải trả người lao động	315		2.568.347.511	648.270.800
6 Chi phí phải trả	316		-	-
7 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	60.583.486	91.065.766
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.944.000</b>	<b>31.944.000</b>
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm			31.944.000	31.944.000
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>72.175.189.655</b>	<b>51.037.823.834</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>68.395.603.134</b>	<b>49.644.286.594</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.11	50.000.000.000	43.302.400.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.11	(881.849.625)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.11	5.337.167.914	1.038.370.703
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.11	1.464.663.707	389.964.404
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.11	12.475.621.138	4.913.551.487
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.779.586.521</b>	<b>1.393.537.240</b>
1 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	5.11	3.779.586.521	1.393.537.240
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>234.389.163.184</b>	<b>278.416.389.326</b>



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

*ng*

Nguyễn Ngọc Anh  
 Kế toán trưởng

*ph*

Phạm Thị Hồng Yến  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	MS	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	26.013.181.092	10.908.060.139
2 Điều chỉnh cho các khoản			
3 Khấu hao tài sản cố định	02	685.779.558	188.381.729
4 Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	189.209.463
5 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.263.050.228)	(3.386.843.962)
6 Chi phí lãi vay	06	15.703.020	773.784.235
7 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.451.613.442	8.672.591.604
8 Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.844.966.453)	(22.716.650.142)
9 Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(33.050.734.113)	(668.420.435)
10 Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(69.977.158.415)	227.270.021.557
11 Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(594.262.109)	(15.857.200)
12 Tiền lãi vay đã trả	13	(15.703.020)	(962.993.698)
13 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(656.724.919)	(2.193.605.250)
14 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.385.800.000	-
15 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.810.419.454)	(355.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(102.112.555.041)</b>	<b>209.384.731.386</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, TS dài hạn khác	21	(241.055.326)	(2.519.002.653)
2 Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác	22	1.818.181	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(697.149.100.000)	(240.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	832.414.000.000	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.261.232.047	3.386.843.962
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>140.286.894.902</b>	<b>(239.132.158.691)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	31	6.697.600.000	42.807.400.000
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.610.038.420	-
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.915.652.647)	-
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.821.651.157)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>3.570.334.616</b>	<b>42.807.400.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>41.744.674.477</b>	<b>13.059.972.695</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.059.972.695	-
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(627.119.062)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>54.177.528.110</b>	<b>13.059.972.695</b>



Trần Văn Mạnh  
 Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

*ngp*  
 Nguyễn Ngọc Anh  
 Kế toán trưởng

*gmp*  
 Phạm Thị Hồng Yến  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	5.12	298.508.228.439	127.717.156.992
2 Các khoản giảm trừ	02		-	-
3 Doanh thu thuần	10		298.508.228.439	127.717.156.992
4 Giá vốn hàng bán	11	5.13	247.274.807.346	108.899.621.752
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.233.421.093	18.817.535.240
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	11.913.342.451	5.443.594.454
7 Chi phí tài chính	22	5.15	3.100.275.412	962.993.698
8 Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.703.020	1.036.125.844
9 Chi phí bán hàng	24	5.16	19.932.961.440	7.987.132.910
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	14.169.232.596	4.402.737.539
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.944.294.096	10.908.265.547
12 Thu nhập khác	31		68.886.996	5.282.363
13 Chi phí khác	32		-	5.487.771
14 Lợi nhuận khác	40		68.886.996	(205.408)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.013.181.092	10.908.060.139
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	4.519.195.035	2.850.330.169
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.493.986.057	8.057.729.970
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	4.852	1.861



**Trần Văn Mạnh**  
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

**Nguyễn Ngọc Anh**  
 Kế toán trưởng

**Phạm Thị Hồng Yến**  
 Người lập

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

TP. HỒ CHÍ MINH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẠM HỒ SỬ KHAI THUẾ ĐẦU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Ngày 18-03-2010

#### Hình thức sở hữu vốn

Người nhận: 06

Công ty Cổ phần thương mại dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/1/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/12/2009.

Tên tiếng anh: Petroleum Trading Joint Stock Company

Tên viết tắt: Petechim JSC

Trụ sở Công ty: Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần 7 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Môi giới hàng hải;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế Công trình, giám sát thi công);
- Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tấy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gốm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn - nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)/.

Hoạt động chính trong năm 2009 của Công ty là: Thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí./.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	04

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng. Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Theo thông tư số 03/2009/TT - BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, Công ty đáp ứng một trong hai điều kiện được xem xét giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	313.682.844	162.031.760
Tiền gửi ngân hàng	53.863.845.266	12.897.940.935
<b>Tổng</b>	<b>54.177.528.110</b>	<b>13.059.972.695</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	104.735.100.000	240.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>104.735.100.000</b>	<b>240.000.000.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước bằng tiền VND là 85.000.000.000 đồng và 1.100.000 USD tương đương 19.735.100.000 đồng.

**5.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	33.719.154.548	21.624.225
<b>Tổng</b>	<b>33.719.154.548</b>	<b>668.420.435</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị và lắp đặt:

- Hợp đồng cung cấp thiết bị Nhà Bè - Giai đoạn 2: 12.460.039.422 đồng.
- Hợp đồng đường kính giếng khoan, máy đo siêu âm, máy đo điện trở xuất - Vietsovpetro: 10.883.728.240 đồng.
- Dự án Nam Rồng - Đồi Mồi: 10.375.386.886 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	-	1.551.213.195	883.674.710	84.114.748	2.519.002.653
Tăng trong năm	32.188.800	-	208.866.526	-	241.055.326
Mua trong năm	32.188.800	-	208.866.526	-	241.055.326
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	32.188.800	1.551.213.195	1.092.541.236	84.114.748	2.760.057.979
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	-	66.383.274	108.757.614	5.257.170	180.398.058
Tăng trong năm	5.364.800	258.535.536	332.519.566	21.028.680	617.448.582
Khấu hao trong năm	5.364.800	258.535.536	332.519.566	21.028.680	617.448.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	5.364.800	324.918.810	441.277.180	26.285.850	797.846.640
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 31/12/2008	-	1.484.829.921	774.917.096	78.857.578	2.338.604.595
Tại 31/12/2009	26.824.000	1.226.294.385	651.264.056	57.828.898	1.962.211.339

**Ghi chú:** Tài sản cố định hữu hình khác bao gồm: Công trình điện - Data - Telephone - Máy chấm công và Quầy tiếp tân

**5.5 Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng.

**5.6 Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Hải (*)	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí Petechim(**)	2.500.000.000	-
	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Hải với 500.000 Cổ phần tương ứng với 25 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng Hải Nam Hải được thành lập tại thành phố Hồ Chí Minh với ngành nghề kinh doanh là đóng tàu lai dẹt và dịch vụ.

(\*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí Petechim với 750.000 cổ phần tương ứng với 25 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí được thành lập tại thành phố Hà Nội với ngành nghề kinh doanh đầu tư cơ sở hạ tầng.

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích trên 1 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 Phải trả cho người bán**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	125.823.133.866	203.820.001.270
M-I DRILLINGFLUIDS VIETNAM J/V COMPANY	-	8.666.378.215
Karoztah	10.883.728.240	-
Công ty TNHH Mạnh Đức	-	4.014.042.729
BJ Services - PV Drilling Joint Venture Company	1.211.608.475	2.372.759.827
Xí nghiệp liên doanh VIETSOVPETRO	462.877.800	1.855.586.100
Các nhà cung cấp khác	15.173.438.456	2.463.441.042
<b>Tổng</b>	<b>153.554.786.837</b>	<b>223.192.209.183</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	99.008.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.519.195.035	656.724.919
Thuế thu nhập cá nhân	224.523.162	154.781.610
Các loại thuế khác	-	1.351.711.320
<b>Tổng</b>	<b>4.743.718.197</b>	<b>2.262.226.753</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.683.586	64.381.710
Bảo hiểm xã hội	40.024.200	-
Bảo hiểm y tế	6.000.360	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.875.340	26.684.056
<b>Tổng</b>	<b>60.583.486</b>	<b>91.065.766</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Tại 05/01/08</b>	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	43.302.400.000	-	-	-	-	-
Lãi sau thuế	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	1.038.370.703	1.715.843.376	389.964.404	8.057.729.970
PV Oil cấp	-	-	-	371.860.164	-	(3.144.178.483)
Chi quỹ	-	-	-	(694.166.300)	-	-
<b>Tại 31/12/08</b>	<b>43.302.400.000</b>	-	<b>1.038.370.703</b>	<b>1.393.537.240</b>	<b>389.964.404</b>	<b>4.913.551.487</b>
<b>Tại 01/01/09</b>	<b>43.302.400.000</b>	-	<b>1.038.370.703</b>	<b>1.393.537.240</b>	<b>389.964.404</b>	<b>4.913.551.487</b>
Tăng vốn	6.697.600.000	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	4.298.797.211	4.298.797.212	1.074.699.303	(9.672.293.726)
Trích chênh lệch tỷ giá	-	(881.849.625)	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	-	21.493.986.057
Trích cổ tức	-	-	-	-	-	(3.821.651.157)
PV Oil cấp và tăng khác	-	-	-	24.420.000	-	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	(1.937.167.931)	-	(437.971.523)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/09</b>	<b>50.000.000.000</b>	-	<b>5.337.167.914</b>	<b>3.779.586.521</b>	<b>1.464.663.707</b>	<b>12.475.621.138</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vốn góp của Nhà nước	14.500.000.000	14.500.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	35.500.000.000	28.802.400.000
<b>Tổng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>43.302.400.000</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	43.302.400.000	-
Vốn góp tăng trong năm	6.697.600.000	43.302.400.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	43.302.400.000

Đến thời điểm 30/11/2009, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào Công ty Cổ phần thương mại Dầu Khí là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí tại ngày 31/12/2009

Danh mục	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
<b>1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>
<i>Trong đó</i>		
Cổ đông sáng lập	28.000.000.000	56,00
Cổ đông phổ thông	22.000.000.000	44,00
<b>2. Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí

	Cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.450.000	14.500.000.000	29,00	1.450.000	14.500.000.000	29,00
Nguyễn Lê Minh	763.000	7.630.000.000	15,26	763.000	7.630.000.000	15,26
Công ty TNHH TVĐT & TM Nhật Việt	337.000	3.370.000.000	6,74	337.000	3.370.000.000	6,74
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	250.000	2.500.000.000	5,00	250.000	2.500.000.000	5,00
Các cổ đông khác	2.200.000	22.000.000.000	44,00	2.200.000	22.000.000.000	44,00
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	Năm 2009	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	4.330.240
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**5.12 Doanh thu**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Doanh thu bán hàng	298.508.228.439	127.717.156.992
<b>Tổng</b>	<b>298.508.228.439</b>	<b>127.717.156.992</b>

**5.13 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	247.274.807.346	108.899.621.752
<b>Tổng</b>	<b>247.274.807.346</b>	<b>108.899.621.752</b>

**5.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.261.232.047	3.386.843.962
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.649.035.640	2.052.337.710
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.074.764	4.412.782
<b>Tổng</b>	<b>11.913.342.451</b>	<b>5.443.594.454</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Lãi tiền vay	15.703.020	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.084.572.392	962.993.698
<b>Tổng</b>	<b>3.100.275.412</b>	<b>962.993.698</b>

**5.16 Chi phí bán hàng**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.721.530.593	4.101.666.962
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	131.807.155	27.461.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.920.672.526	2.109.930.358
Chi phí khác bằng tiền	5.158.951.166	1.748.074.412
<b>Tổng</b>	<b>19.932.961.440</b>	<b>7.987.132.910</b>

**5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.717.142.331	1.809.375.556
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.084.694.262	227.721.262
Chi phí khấu hao TSCĐ	685.779.558	188.381.729
Thuế, phí, lệ phí	3.290.000	20.077.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.848.910.261	872.474.024
Chi phí khác bằng tiền	3.829.416.184	1.284.707.837
<b>Tổng</b>	<b>14.169.232.596</b>	<b>4.402.737.539</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ hoạt động kết thúc	
	Năm 2009 VND	ngày 31/12/2008 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.013.181.092	10.908.060.139
Các khoản điều chỉnh tăng	-	194.697.234
Các khoản điều chỉnh giảm	189.209.463	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.823.971.629	11.102.757.373
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (25%)	6.455.992.907	3.108.772.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (30%)	1.936.797.872	258.441.895
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.519.195.035</b>	<b>2.850.330.169</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.519.195.035</b>	<b>2.850.330.169</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Theo thông tư số 03/2009/TT - BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, Công ty đáp ứng một trong hai điều kiện được xem xét giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động kết thúc	
	Năm 2009 VND	ngày 31/12/2008 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.493.986.057	8.057.729.970
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.493.986.057	8.057.729.970
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.430.364	4.330.240
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.852</b>	<b>1.861</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

6.2 Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm 2009:*

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<b><u>Mua hàng hoá và sử dụng dịch vụ</u></b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	6.438.211.451	225.929.808.889
Công ty TNHH TV ĐT & TM Nhật Việt	-	2.601.742.500
<b><u>Giao dịch bán và cung cấp dịch vụ</u></b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	41.438.075.359	24.767.059.695
<b><u>Số dư</u></b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	6.717.654.355	150.856.177
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	125.823.133.866	203.820.001.270

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/01/2008 đến ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.



Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập